ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ THỚI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8386/PA-UBND	*Mỹ Thới, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT
Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Huỳnh Công Đô và bà Lê Thị Ngọt khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thới về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHTĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- **Ông Huỳnh Công Đô:** Sinh năm: 1972, số CCCD 089072026781
- **Bà Lê Thị Ngọt:** Sinh năm: 1973, số CCCD 087173005205
- Địa chỉ thường trú: Khóm Thới An A, phường Mỹ Thới.
- Phương án số: 02

2. Thông tin về đất đai:

- Vị trí thửa đất thu hồi: Khu vực Sông Hậu – Hết Đường tránh TP Long Xuyên (trong Tuyến tránh)

- Diện tích: 1.207,0 m^2.

- Số tờ: 03, số thửa 975

- Loại đất thu hồi: LUC (đất chuyên trồng lúa).

- Nguồn gốc thửa đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 00776QSDĐ/iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 04/8/2004.

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai:

Loại đất	Diện tích (m^2)
Đất LUC	1.207,0
Tổng	**1.207,0**

3.2. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà 1	m^2	57,80
Nhà 2	m^2	32,50
Hàng ba	m^2	12,50
Mái che 2	m^2	23,30
Mái che	m^2	22,00
Bồn nước	m^3	2,760
Chuồng vịt	m^2	56,20
Sân	m^2	31,00
Cầu dẫn 1	m^2	3,20
Cầu dẫn 2	m^2	29,70
Trụ điện bê tông ly tâm	trụ	1,00
Vách tường xây	m^2	45,20
Hàng rào	m^2	75,60
Dale tấm	tấm	32,50
Đồng hồ điện	cái	1,00
Đồng hồ nước	cái	1,00
Internet	cái	1,00
Ống nhựa BM Ø 250	m	23,20
Ống nhựa BM Ø 160	m	23,20
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 1.074.203.578 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai:

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
- Đất LUC	1.207,00	627.030	756.825.210
Tổng			**756.825.210**

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng:

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Chùm ruột	10,00	360.000	3.600.000
Đu đủ	10,00	146.000	1.460.000
Đu đủ	17,00	45.000	765.000
Xoài	3,00	4.240.000	12.720.000
Hạnh	2,00	500.000	1.000.000
Bạch đàn	1,00	600.000	600.000
Me chua	28,00	275.000	7.700.000
Me chua	5,00	550.000	2.750.000
Ổi	3,00	571.000	1.713.000
Gáo	3,00	600.000	1.800.000
Gáo	1,00	120.000	120.000
Gáo	7,00	60.000	420.000
Cau kiểng	2,00	780.000	1.560.000
Khê	1,00	667.000	667.000
Sung	1,00	4.800.000	4.800.000
Dừa	8,00	1.708.000	13.664.000
Dừa	2,00	477.000	954.000
Mận	1,00	1.713.000	1.713.000
Mai vàng	11,00	72.000	792.000
Mai vàng	5,00	117.000	585.000
Mai vàng	8,00	72.000	576.000
Mai vàng	1,00	390.000	390.000
Cam	1,00	997.000	997.000
Chuối	26,00	132.000	3.432.000
Chuối	119,00	76.000	9.044.000
Chuối	111,00	34.000	3.774.000
Tổng			**77.596.000**

4.3. Kinh phí bồi thường nhà, vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà 1	57,80	2.547.000	60%	88.329.960
Nhà 2	32,50	2.547.000	57%	47.183.175
Hàng ba	12,50	2.547.000	26,5%	8.436.938

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Mái che 2	23,30	760.500	60%	10.631.790
Mái che	22,00	506.000	60%	6.679.200
Bồn nước	2,760	3.058.000	60%	5.064.048
Chuồng vịt	56,20	504.000	60%	16.994.880
Sân	31,00	136.000	60%	2.529.600
Cầu dẫn 1	3,20	408.000	60%	783.360
Cầu dẫn 2	29,70	408.000	60%	7.270.560
Trụ điện bê tông ly tâm	1,00	697.000	60%	418.200
Vách tường xây	45,20	713.000	60%	19.336.560
Hàng rào	75,60	305.000	60%	13.834.800
Dale tấm	32,50	5.000	60%	97.500
Đồng hồ điện	1,00	1.427.000	100%	1.427.000
Đồng hồ nước	1,00	509.000	100%	509.000
Internet	1,00	205.000	100%	205.000
Ống nhựa BM Ø 250	23,20	554.040	60%	7.712.237
Ống nhựa BM Ø 160	23,20	168.000	60%	2.338.560
Tổng				**239.782.368**

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.6+5.7): 899.963.000 đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Chi phí di chuyển		01	17,000,000	17,000,000	
Hỗ trợ ổn định đời sống		02	1.530.000	3,060,000	
Tổng				**20.060.000**	

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: Không có

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi: Không có

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m^2)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Đất LUC	1.207,00	729.000	879.903.000	
Tổng cộng			**879.903.000**	

5.5. Hỗ trợ tái định cư: Không có

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: Không có

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: Không có

Loại hỗ trợ	Diện tích - Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4 + 5): 1.974.166.578 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm bảy mươi tám đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này./.

Nơi nhận:
- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thành Nhơn